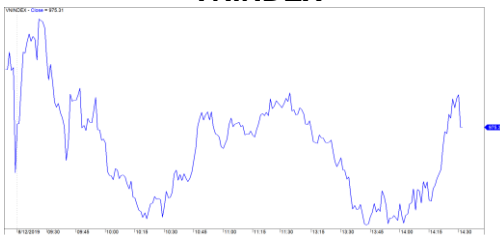


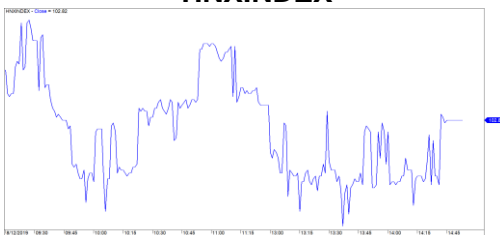
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	975.31	102.82	57.93
% ngày	0.10%	0.03%	-0.86%
% tuần	0.22%	-0.09%	-0.75%
% tháng	-0.01%	-2.87%	2.33%
% năm	0.71%	-5.16%	12.79%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,710	361	520
TB 1 tuần	5,031	411	561
TB 1 tháng	4,275	424	429
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	496.86	11.16	29.30
Bán	514.71	8.36	35.67
Giá trị ròng	-17.85	2.80	-6.37
Độ rộng TT			
Mã Tăng	132	67	178
Mã Giảm	152	72	130
Không Đổi	104	228	589
Chỉ số chính			
P/E	16.39	9.26	19.69
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,295	189	1,051
LS Cổ tức	1.75%	2.86%	6.16%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index biến động trong biên độ hẹp nhưng đóng cửa trong sắc xanh với mức tăng 0.1% dừng tại 975.31 điểm trong khi chỉ số HNX-Index cũng đồng thuận tăng 0.03% dừng tại 102.82 điểm, chỉ số Upcom-Index giảm 0.85% neo tại 57.93 điểm. Dòng tiền tỏ ra thận trọng khi giá trị giao dịch chỉ đạt 3,193 tỷ đồng khớp lệnh trên cả ba sàn.

Mặt bằng cổ phiếu có sự phân hóa nhưng tâm lý thị trường vẫn tích cực nhờ diễn biến tích cực của nhóm bluechip. VN30-Index ghi nhận phiên tăng khá thứ 2 liên tiếp đóng cửa tăng 0.41%. HPG(+2.2%), VJC(+2.1%), MBB(+2.1%), BID(+1.9%), DPM(+2.5%)... HPG gây chú ý khi nổi dài nhịp hồi phục từ vùng 21k với khối lượng khớp lệnh trong phiên đạt hơn 8 triệu đơn vị. Nhóm Tiêu dùng không thiết yếu (PNJ, MWG, FPT), Thủy sản (FMC, VHC), Logistic (VOS, HAH) tăng vượt trội hơn so với thị trường chung. Nhóm Ngân hàng, Dầu khí có sự phân hóa khi BID, ACB, MBB, TCB, GAS, PLX tăng giá trong khi VCB, CTG, PVD, PVT giảm giá. Đà tăng mạnh còn xuất hiện tại KBC(+3.9%), DGW(+4), HDC(+5.6%)... nhưng số lượng không nhiều.

Khối ngoại tiếp tục có cái nhìn thận trọng về thị trường khi có phiên bán ròng thứ 8 liên tiếp nhưng chỉ với giá trị hơn 21 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, E1VFN30 (30 tỷ) và SGN (13 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều mua, VRE(12 tỷ), PLX(11 tỷ) là những mã được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục biến động trong vùng giá 965.5 – 980 điểm. Đồng thời, thị trường có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy cho thấy mức độ phân hóa có thể sẽ còn tiếp diễn trong những phiên tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu không thay đổi đáng kể cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn chủ yếu là chú ý xu hướng ở từng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 983.07 điểm của chỉ số VN-Index và 104.36 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên hạn chế mua đuổi ở các nhịp tăng và chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 45% cổ phiếu/55% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.40	GIẢM	TĂNG		18.14			16.85	17.01	3.26%	
ACB	22.00	GIẢM	GIẢM		22.49				24.18		
ACV	84.50	TĂNG	TĂNG	85.80	81.66	-1.52%		90.00	81.77	-6.11%	
ANV	24.90	GIẢM	GIẢM		26.06				29.78		
ASM	6.22	GIẢM	GIẢM		6.42				7.23		
BFC	15.95	TĂNG	GIẢM	15.90	14.28	0.31%			19.02		
BID	35.35	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	8.27%		33.40	31.96	5.84%	
BMP	51.20	TĂNG	TĂNG	52.30	49.11	-2.10%		48.30	44.48	6.00%	
BSR	10.10	GIẢM	GIẢM		10.65				12.79		
BVH	78.00	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-8.67%	
BWE	26.35	GIẢM	TĂNG		26.83			20.00	25.45	31.75%	
CEO	10.60	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.30	GIẢM	GIẢM		22.08				23.47		
CMG	38.00	GIẢM	TĂNG		39.48			23.20	34.35	63.79%	
CMX	27.60	GIẢM	TĂNG		31.46			5.91	22.80	367.01%	
CSM	15.35	TĂNG	TĂNG	15.40	14.50	-0.32%		14.39	14.22	6.67%	
CTD	102.00	GIẢM	TĂNG		113.12			112.70	99.66	-9.49%	
CTG	20.35	GIẢM	GIẢM		20.90				22.80		
CTI	22.80	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	56.80	TĂNG	N/A	28.80	49.81	97.22%		-	N/A		
CVT	19.30	GIẢM	TĂNG		19.69			20.35	18.32	-5.16%	
DCM	8.08	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DGC	29.80	GIẢM	TĂNG	31.30	30.78	-1.66%	BÁN	31.90	27.79	-6.58%	
DGW	23.50	TĂNG	TĂNG	23.50	22.88	0.00%	MUA	23.50	21.23	0.00%	
DHA	36.15	TĂNG	TĂNG	32.25	34.92	12.09%		29.10	32.95	24.23%	
DHC	33.50	GIẢM	TĂNG	36.00	34.32	-4.68%	BÁN	35.20	33.00	-4.83%	
DHG	96.00	GIẢM	GIẢM		98.87				109.20		
DIG	12.80	GIẢM	GIẢM		13.30				14.54		
DPG	48.00	TĂNG	TĂNG	39.40	46.01	21.83%		40.02	38.52	19.95%	
DPM	14.40	TĂNG	GIẢM	14.40	14.19	0.00%	MUA		16.26		
DPR	43.10	GIẢM	TĂNG	45.50	43.91	-3.49%	BÁN	42.50	40.21	1.41%	
DQC	18.50	GIẢM	GIẢM		18.87				20.27		
DRC	20.60	TĂNG	GIẢM	20.45	19.06	0.73%			20.88		
DXG	16.05	TĂNG	GIẢM	16.15	14.16	-0.62%			20.07		
EIB	17.35	GIẢM	TĂNG		18.40			14.70	16.88	18.03%	



We Create Fortune

FCN	13.25	GIẢM	TĂNG		13.61			16.05	13.18	-17.45%	
FMC	30.95	TĂNG	TĂNG	28.95	29.48	6.91%			30.62		
FPT	52.30	TĂNG	TĂNG	45.20	49.01	15.71%		46.00	45.47	13.70%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM		106.46				113.06		
GEX	23.25	TĂNG	TĂNG	22.20	22.61	4.73%			23.15		
GIL	23.85	GIẢM	GIẢM		25.09				27.81		
GMD	27.65	TĂNG	GIẢM	26.55	26.79	4.14%			27.99		
GTN	20.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.65	6.38%		15.00	16.37	33.33%	
GVR	16.10	TĂNG	N/A	13.50	15.22	19.26%			N/A		
HAG	5.05	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HAX	18.80	GIẢM	TĂNG		19.37			15.75	17.24	19.37%	
HBC	13.95	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-2.11%			15.82		
HCM	20.10	GIẢM	GIẢM		21.02				24.43		
HDB	26.15	TĂNG	GIẢM	26.30	24.58	-0.57%			28.17		
HDC	19.70	TĂNG	TĂNG	15.25	17.66	29.18%		15.25	14.22	29.18%	
HDG	36.30	TĂNG	TĂNG	32.70	35.16	11.01%		35.30	32.26	2.83%	
HNG	18.25	TĂNG	TĂNG	18.35	17.34	-0.54%		17.10	16.59	6.73%	
HPG	23.60	TĂNG	GIẢM	23.30	21.95	1.29%			23.96		
HSG	6.85	GIẢM	GIẢM		7.14			9.30	7.01	-24.57%	
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		15.74			14.80	15.47	4.49%	
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.08	0.00%			2.97		
HVN	39.40	GIẢM	TĂNG		40.75			39.00	38.75	1.03%	
KBC	16.15	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	0.94%		15.35	14.17	5.21%	
KDH	23.40	TĂNG	GIẢM	22.90	22.73	2.18%			23.94		
KSB	24.05	TĂNG	GIẢM	22.95	23.15	4.79%			24.78		
LCG	9.60	GIẢM	GIẢM		10.25				11.41		
LDG	8.03	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-1.83%			9.15		
LHG	18.15	TĂNG	TĂNG	18.70	17.94	-2.94%		19.30	17.32	-5.96%	
LPB	7.90	GIẢM	GIẢM		8.21				8.51		
LSS	5.25	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-2.60%			5.84		
MBB	21.90	GIẢM	TĂNG		22.16			21.85	20.88	0.23%	
MPC	35.30	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	-1.12%			40.20		
MSN	76.00	GIẢM	GIẢM		77.30				86.73		
MSR	16.80	GIẢM	GIẢM		17.55				19.98		
MWG	117.00	TĂNG	TĂNG	110.00	108.87	6.36%		88.70	99.40	31.91%	
NDN	18.50	TĂNG	TĂNG	14.10	17.47	31.21%		13.70	14.96	35.04%	
NKG	6.35	TĂNG	GIẢM	6.35	6.31	0.00%	MUA		6.85		
NLG	31.70	TĂNG	TĂNG	29.90	30.16	6.02%		28.70	27.99	10.45%	
NT2	24.60	GIẢM	GIẢM		25.05				27.42		

We Create Fortune

NTL	26.85	TĂNG	TĂNG	22.95	25.46	16.99%		10.45	22.13	156.94%	
NVL	59.90	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	12.00	TĂNG	GIẢM	11.70	10.61	2.56%			12.38		
PAC	30.55	GIẢM	GIẢM		31.48				35.54		
PC1	16.80	GIẢM	GIẢM		16.82				19.29		
PDR	26.80	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	11.20%		29.00	25.01	-7.59%	
PHR	72.50	TĂNG	TĂNG	61.20	71.89	18.46%		24.00	60.96	202.08%	
PLX	62.40	GIẢM	TĂNG		64.11			62.40	59.59	0.00%	
PNJ	85.70	TĂNG	TĂNG	77.00	81.99	11.30%		104.00	72.08	-17.60%	
POW	13.30	GIẢM	GIẢM		14.13			15.70	13.92	-11.37%	
PVT	18.40	TĂNG	TĂNG	17.45	17.65	5.44%		18.30	16.20	0.55%	MUA
PPC	25.20	GIẢM	GIẢM		26.30				30.18		
PTB	69.00	TĂNG	TĂNG	69.70	65.49	-1.00%		64.00	64.57	7.81%	
PVB	22.20	TĂNG	TĂNG	20.20	20.71	9.90%		20.10	17.72	10.45%	
PVD	16.10	GIẢM	GIẢM		16.31			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	37.70	TĂNG	GIẢM	38.10	35.85	-1.05%			39.70		
PVS	20.80	GIẢM	GIẢM		21.77			21.10	21.47	1.74%	
PXS	5.85	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	2.63%		4.85	5.02	20.62%	
QNS	30.20	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.22	-10.65%	
REE	34.80	TĂNG	TĂNG	34.00	32.80	2.35%		33.33	31.19	4.43%	
SAB	274.40	GIẢM	TĂNG		286.92			245.00	259.03	12.00%	
SAM	8.00	GIẢM	TĂNG		8.09			7.40	7.69	8.11%	
SCR	6.92	TĂNG	GIẢM	6.92	6.90	0.00%	MUA		7.47		
SHI	8.32	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	-0.83%		6.99	7.47	19.03%	
SJS	17.70	GIẢM	GIẢM		17.86			-	19.89		
SKG	11.45	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
SSI	22.15	GIẢM	GIẢM		22.37				25.82		
STB	10.35	GIẢM	GIẢM		10.81				11.77		
TCB	20.25	GIẢM	GIẢM		20.75				22.76		
TCM	25.10	GIẢM	GIẢM	26.30	25.15	-4.38%	BÁN		28.96		
TDH	9.18	GIẢM	TĂNG		9.35			11.65	9.17	-21.20%	
TLH	4.65	TĂNG	GIẢM	4.75	4.49	-2.11%		5.85	5.16	-11.73%	BÁN
TNG	17.90	GIẢM	GIẢM		20.01			12.00	18.79	56.57%	
VCB	77.70	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	73.39	25.32%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-1.85%		19.20	24.08	38.02%	
VCS	86.50	TĂNG	TĂNG	81.10	80.48	6.66%		68.00	68.25	27.21%	
VGC	19.00	GIẢM	GIẢM		19.83				20.64		
VGT	9.50	GIẢM	GIẢM		9.71				10.83		
VHC	85.30	GIẢM	GIẢM		86.52				95.80		

We Create Fortune

VHM	84.20	GIẢM	TĂNG		87.86			90.20	76.55	-6.65%	MUA
VIB	19.90	TĂNG	TĂNG	17.00	19.09	17.06%		17.70	17.06	12.43%	
VIC	120.00	GIẢM	TĂNG		122.89			112.00	113.20	7.14%	
VIP	5.01	GIẢM	GIẢM		5.17				5.62		
VJC	134.50	TĂNG	TĂNG	134.50	132.68	0.00%	MUA	124.50	124.10	8.03%	
VND	14.60	GIẢM	GIẢM		15.08				16.18		
VNG	18.15	GIẢM	GIẢM		19.10				21.18		
VNM	120.60	GIẢM	GIẢM		123.20				132.64		
VPB	19.00	GIẢM	GIẢM		19.05				19.82		
VPI	42.05	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	-0.36%			42.86		
VRC	15.00	TĂNG	GIẢM	15.30	14.39	-1.96%			16.26		
VRE	35.45	GIẢM	TĂNG		36.58			35.00	33.61	1.29%	
VSC	29.00	TĂNG	GIẢM	28.60	27.92	1.40%			32.28		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.00	GIẢM	GIẢM		22.49				24.18		
BID	35.35	TĂNG	TĂNG	32.65	34.17	8.27%		33.40	31.96	5.84%	
BSR	10.10	GIẢM	GIẢM		10.65				12.79		
BVH	78.00	GIẢM	TĂNG		80.37			85.40	76.69	-8.67%	
CTG	20.35	GIẢM	GIẢM		20.90				22.80		
EIB	17.35	GIẢM	TĂNG		18.40			14.70	16.88	18.03%	
FPT	52.30	TĂNG	TĂNG	45.20	49.01	15.71%		41.00	45.47	27.57%	
GAS	102.00	GIẢM	GIẢM		106.46				113.06		
HDB	26.15	TĂNG	GIẢM	26.30	24.58	-0.57%			28.17		
HNG	18.25	TĂNG	TĂNG	18.35	17.34	-0.54%		17.10	16.59	6.73%	
HPG	23.60	TĂNG	GIẢM	23.30	21.95	1.29%			23.96		
HVN	39.40	GIẢM	TĂNG		40.75			39.00	38.75	1.03%	
KDH	23.40	TĂNG	GIẢM	22.90	22.73	2.18%			23.94		
MBB	21.90	GIẢM	TĂNG		22.16			21.27	20.88	2.96%	
MSN	76.00	GIẢM	GIẢM		77.30				86.73		
MWG	117.00	TĂNG	TĂNG	110.00	108.87	6.36%		88.70	99.40	31.91%	
NVL	59.90	GIẢM	GIẢM		60.25				62.33		
OIL	12.00	TĂNG	GIẢM	11.70	10.61	2.56%			12.38		
PLX	62.40	GIẢM	TĂNG		64.11			59.97	59.59	4.05%	
PNJ	85.70	TĂNG	TĂNG	77.00	81.99	11.30%		77.88	72.08	10.04%	

We Create Fortune

POW	13.30	GIẢM	GIẢM		14.13			15.70	13.92	-11.37%	
PVS	20.80	GIẢM	GIẢM		21.77			21.10	21.47	1.74%	
QNS	30.20	GIẢM	TĂNG		30.80			33.80	28.22	-10.65%	
REE	34.80	TĂNG	TĂNG	34.00	32.80	2.35%		33.33	31.19	4.43%	
ROS	27.40	TĂNG	TĂNG	28.50	25.52	-3.86%		34.80	27.33	-21.26%	
SSI	22.15	GIẢM	GIẢM		22.37				25.82		
STB	10.35	GIẢM	GIẢM		10.81				11.77		
TCB	20.25	GIẢM	GIẢM		20.75				22.76		
TPB	22.60	GIẢM	GIẢM		22.88				N/A		
VCB	77.70	GIẢM	TĂNG		79.78			62.00	73.39	25.32%	
VCG	26.50	TĂNG	TĂNG	27.00	25.73	-1.85%		18.44	24.08	43.70%	
VEA	55.20	GIẢM	GIẢM		61.16				N/A		
VGI	35.10	TĂNG	GIẢM	29.50	32.57	18.98%			N/A		
VHM	84.20	GIẢM	TĂNG		87.86			90.20	76.55	-6.65%	MUA
VIB	19.90	TĂNG	TĂNG	17.00	19.09	17.06%		17.70	17.06	12.43%	
VIC	120.00	GIẢM	TĂNG		122.89			112.00	113.20	7.14%	
VJC	134.50	TĂNG	TĂNG	134.50	132.68	0.00%	MUA	124.50	124.10	8.03%	
VNM	120.60	GIẢM	GIẢM		123.20				132.64		
VPB	19.00	GIẢM	GIẢM		19.05				19.82		
VRE	35.45	GIẢM	TĂNG		36.58			34.00	33.61	4.28%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.40	GIẢM	TĂNG		18.14			16.85	17.01	3.26%	
ANV	24.90	GIẢM	GIẢM		26.06				29.78		
ASM	6.22	GIẢM	GIẢM		6.42				7.23		
BMP	51.20	TĂNG	TĂNG	52.30	49.11	-2.10%		48.30	44.48	6.00%	
BWE	26.35	GIẢM	TĂNG		26.83			19.44	25.45	35.55%	
C4G	8.20	GIẢM	GIẢM		8.60			-	9.96		
CEO	10.60	GIẢM	GIẢM		10.71				11.33		
CII	21.30	GIẢM	GIẢM		22.08				23.47		
CRE	24.65	GIẢM	GIẢM		25.34			-	26.06		
CTI	22.80	GIẢM	GIẢM		23.32				24.73		
CTR	56.80	TĂNG	#N/A	28.80	49.81	97.22%		-	#N/A		
DCM	8.08	GIẢM	GIẢM		8.20				8.53		
DHC	33.50	GIẢM	TĂNG	36.00	34.32	-4.68%	BÁN	35.20	33.00	-4.83%	

We Create Fortune

DIG	12.80	GIẢM	GIẢM		13.30				14.54		
DPM	14.40	TĂNG	GIẢM	14.40	14.19	0.00%	MUA		16.26		
DRC	20.60	TĂNG	GIẢM	20.45	19.06	0.73%			20.88		
DXG	16.05	TĂNG	GIẢM	16.15	14.16	-0.62%			20.07		
E1VFN30	14.62	TĂNG	GIẢM	14.62	14.61	0.00%	MUA		15.16		
FCN	13.25	GIẢM	TĂNG		13.61			16.05	13.18	-17.45%	
FLC	4.06	TĂNG	GIẢM	3.99	4.02	1.75%			4.49		
FTM	24.15	GIẢM	TĂNG		24.56			16.25	22.18	48.62%	
GEG	27.50	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	20.61%		12.90	22.56	113.18%	
GEX	23.25	TĂNG	TĂNG	22.20	22.61	4.73%			23.15		
GMD	27.65	TĂNG	GIẢM	26.55	26.79	4.14%			27.99		
GTN	20.00	TĂNG	TĂNG	18.80	18.65	6.38%		15.00	16.37	33.33%	
GVR	16.10	TĂNG	#N/A	13.50	15.22	19.26%		-	#N/A		
HAG	5.05	GIẢM	GIẢM		5.14				5.62		
HBC	13.95	TĂNG	GIẢM	14.25	13.21	-2.11%			15.82		
HCM	20.10	GIẢM	GIẢM		21.02				24.43		
HDG	36.30	TĂNG	TĂNG	32.70	35.16	11.01%		35.30	32.26	2.83%	
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.38%		-	#N/A		
HSG	6.85	GIẢM	GIẢM		7.14			8.45	7.01	-17.01%	
HT1	15.10	GIẢM	GIẢM		15.74			14.80	15.47	4.49%	
IBC	21.10	GIẢM	TĂNG	20.90	21.18	1.36%	BÁN	24.90	20.15	-15.26%	
IDI	6.26	GIẢM	GIẢM		6.59				7.70		
IJC	14.20	TĂNG	TĂNG	11.35	13.07	25.11%		13.10	10.49	8.40%	MUA
ITA	3.53	TĂNG	TĂNG	3.17	3.35	11.36%		3.20	2.83	10.31%	
KBC	16.15	TĂNG	TĂNG	16.00	15.21	0.94%		15.35	14.17	5.21%	
KSB	24.05	TĂNG	GIẢM	22.95	23.15	4.79%			24.78		
LDG	8.03	TĂNG	GIẢM	8.18	7.63	-1.83%			9.15		
LPB	7.90	GIẢM	GIẢM		8.21				8.51		
MBS	15.70	GIẢM	TĂNG		16.50			16.00	14.25	-1.88%	
MPC	35.30	TĂNG	GIẢM	35.70	34.99	-1.12%			40.20		
NBB	20.50	GIẢM	TĂNG		22.09			21.50	19.30	-4.65%	
NKG	6.35	TĂNG	GIẢM	6.35	6.31	0.00%	MUA		6.85		
NLG	31.70	TĂNG	TĂNG	29.90	30.16	6.02%		28.70	27.99	10.45%	
NT2	24.60	GIẢM	GIẢM		25.05				27.42		
NTC	187.00	GIẢM	TĂNG		195.18			120.00	161.01	55.83%	
NTL	26.85	TĂNG	TĂNG	22.95	25.46	16.99%		9.33	22.13	187.74%	
NVB	7.50	GIẢM	GIẢM		7.91				8.72		
OGC	3.97	GIẢM	GIẢM		4.06				4.56		

We Create Fortune

PC1	16.80	GIẢM	GIẢM		16.82			19.29			
PDR	26.80	TĂNG	TĂNG	24.10	26.44	11.20%		23.60	25.01	13.58%	
PHR	72.50	TĂNG	TĂNG	61.20	71.89	18.46%		22.86	60.96	217.09%	
PPC	25.20	GIẢM	GIẢM		26.30			30.18			
PTB	69.00	TĂNG	TĂNG	69.70	65.49	-1.00%		60.78	64.57	13.52%	
PVD	16.10	GIẢM	GIẢM		16.31			18.50	16.14	-12.73%	
PVI	37.70	TĂNG	GIẢM	38.10	35.85	-1.05%		39.70			
PVT	18.40	TĂNG	TĂNG	17.45	17.65	5.44%		18.30	16.20	0.55%	MUA
QCG	4.45	TĂNG	GIẢM	4.62	4.35	-3.68%		5.32			
SAM	8.00	GIẢM	TĂNG		8.09			7.40	7.69	8.11%	
SBT	16.00	GIẢM	GIẢM		16.61			17.67			
SCR	6.92	TĂNG	GIẢM	6.92	6.90	0.00%	MUA	7.47			
SHB	6.40	GIẢM	GIẢM		6.76			7.30			
SHS	8.60	GIẢM	GIẢM		8.94			10.55	10.14	-3.86%	BÁN
SJS	17.70	GIẢM	GIẢM		17.86			19.89			
STK	21.70	GIẢM	TĂNG		22.71			17.00	21.12	27.65%	
SZC	25.30	TĂNG	#N/A	20.45	24.03	23.72%		-	#N/A		
TCH	22.90	TĂNG	TĂNG	22.05	21.41	3.85%		22.45			
TCM	25.10	GIẢM	GIẢM	26.30	25.15	-4.38%	BÁN	28.96			
TNG	17.90	GIẢM	GIẢM		20.01			12.00	18.79	56.57%	
TTB	24.30	TĂNG	TĂNG	22.60	24.09	7.52%		24.50	22.23	-0.82%	MUA
VCI	33.50	TĂNG	GIẢM	32.30	32.55	3.72%		35.72			
VGT	9.50	GIẢM	GIẢM		9.71			10.83			
VHC	85.30	GIẢM	GIẢM		86.52			95.80			
VND	14.60	GIẢM	GIẢM		15.08			16.18			
VNG	18.15	GIẢM	GIẢM		19.10			21.18			
VPI	42.05	TĂNG	GIẢM	42.20	41.05	-0.36%		42.86			

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	11.20	TĂNG	#N/A	9.40	10.35	19.15%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.16	GIẢM	TĂNG		4.36			3.99	3.71	4.26%	
AMD	1.66	GIẢM	GIẢM		1.73			2.04			
APG	8.95	GIẢM	TĂNG	8.50	8.97	5.48%	BÁN	9.90	7.90	-9.60%	
ART	2.20	GIẢM	GIẢM		2.48			2.85			
BCC	7.90	GIẢM	TĂNG		8.27			7.70	7.70	2.60%	



We Create Fortune

BCG	6.29	TĂNG	TĂNG	5.82	6.15	8.08%		6.39	5.41	-1.56%	
C69	20.30	TĂNG	TĂNG	8.80	19.42	130.68%		5.30	15.89	283.02%	
CCL	7.64	TĂNG	TĂNG	6.38	7.02	19.75%		3.46	5.67	120.81%	
CRC	17.00	TĂNG	GIẢM	15.05	16.84	12.96%			17.35		
CVT	19.30	GIẢM	TĂNG		19.69			20.35	18.32	-5.16%	
DAG	6.72	TĂNG	TĂNG	6.55	6.71	2.60%		7.09	5.94	-5.22%	MUA
DAH	12.90	GIẢM	TĂNG		13.87			4.66	11.21	176.58%	
DGW	23.50	TĂNG	TĂNG	23.50	22.88	0.00%	MUA	23.50	21.23	0.00%	
DLG	1.54	GIẢM	GIẢM		1.56				1.65		
DRH	7.10	TĂNG	GIẢM	7.20	6.82	-1.39%			7.76		
DTD	17.10	TĂNG	TĂNG	15.90	15.05	7.55%		12.90	12.45	32.56%	
EVG	2.74	GIẢM	GIẢM		2.90				3.02		
FIT	3.32	GIẢM	TĂNG		3.54			3.64	3.03	-8.79%	
GKM	14.70	GIẢM	GIẢM		14.96			11.42	15.87	38.89%	
HAH	15.40	TĂNG	TĂNG	12.80	14.19	20.31%		13.00	12.04	18.46%	
HAI	1.72	GIẢM	GIẢM		1.82				1.93		
HAP	3.44	GIẢM	TĂNG		3.54			3.67	3.25	-6.27%	
HAR	3.56	TĂNG	GIẢM	3.56	3.36	0.00%	MUA	3.71	3.98	7.38%	BÁN
HCD	3.65	GIẢM	GIẢM		3.94				4.34		
HDA	12.90	TĂNG	TĂNG	10.50	12.06	22.86%		11.30	10.94	14.16%	
HDC	19.70	TĂNG	TĂNG	15.25	17.66	29.18%		15.25	14.22	29.18%	
HHP	11.80	GIẢM	GIẢM		12.26				13.79		
HHS	3.12	GIẢM	GIẢM		3.19				3.54		
HII	11.10	GIẢM	GIẢM		11.71				12.54		
HQC	1.37	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-4.20%			1.50		
HSL	7.92	TĂNG	GIẢM	8.10	7.56	-2.22%			9.33		
HUT	2.40	TĂNG	GIẢM	2.40	2.08	0.00%			2.97		
HVG	2.60	GIẢM	GIẢM		2.97				4.13		
HVH	27.05	TĂNG	#N/A	27.05	26.04	0.00%			#N/A		
JVC	2.65	GIẢM	GIẢM		2.79				3.12		
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.50				1.68		
KMR	2.84	GIẢM	TĂNG		2.92			3.68	2.65	-22.83%	
LCG	9.60	GIẢM	GIẢM		10.25				11.41		
LGL	9.80	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	37.77%	
LHG	18.15	TĂNG	TĂNG	18.70	17.94	-2.94%		19.30	17.32	-5.96%	
LMH	16.70	GIẢM	#N/A		17.44			-	#N/A		
MST	2.60	GIẢM	GIẢM		2.66				3.30		
NDN	18.50	TĂNG	TĂNG	14.10	17.47	31.21%		13.10	14.96	41.17%	
PHC	12.50	GIẢM	GIẢM		12.88				13.84		

We Create Fortune

PVB	22.20	TĂNG	TĂNG	20.20	20.71	9.90%		20.10	17.72	10.45%	
PVC	7.50	GIẢM	TĂNG		7.75			7.10	6.67	5.63%	
PXL	5.30	GIẢM	GIẢM		5.71				7.09		
PXS	5.85	TĂNG	TĂNG	5.70	5.61	2.63%		4.85	5.02	20.62%	
QBS	3.20	TĂNG	GIẢM	3.08	2.90	3.90%			3.36		
SFG	9.00	GIẢM	GIẢM		9.71				12.67		
SHI	8.32	TĂNG	TĂNG	8.39	8.03	-0.83%		6.23	7.47	33.49%	
SJF	2.92	GIẢM	GIẢM		3.17				3.88		
SKG	11.45	GIẢM	GIẢM		11.79				12.61		
TDH	9.18	GIẢM	TĂNG		9.35			11.65	9.17	-21.20%	
TIG	3.20	GIẢM	TĂNG		3.31			3.20	3.03	0.00%	
TLD	5.15	GIẢM	GIẢM		5.46				6.07		
TLH	4.65	TĂNG	GIẢM	4.70	4.49	-1.06%		5.85	5.16	-11.73%	
TNI	10.25	GIẢM	GIẢM		10.75				11.98		
TTF	3.12	GIẢM	GIẢM		3.13			3.99	3.70	-7.16%	
TTH	3.80	GIẢM	GIẢM		3.83				4.27		
TVB	22.20	TĂNG	TĂNG	17.40	20.26	27.59%		20.10	17.56	10.45%	MUA
TVC	15.20	TĂNG	TĂNG	12.50	14.35	21.60%		14.30	12.80	6.29%	MUA
VC3	22.80	GIẢM	TĂNG		23.09			22.00	21.35	3.64%	
VCR	22.00	TĂNG	GIẢM	20.50	16.81	7.32%			25.98		
VNE	3.07	GIẢM	GIẢM		3.23				4.12		
VPG	21.50	TĂNG	TĂNG	21.40	19.59	0.47%		20.46	19.34	5.11%	
VRC	15.00	TĂNG	GIẢM	15.40	14.39	-2.60%			16.26		
YBM	10.10	GIẢM	GIẢM		11.34				12.01		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	975.31	0.10%
VN30	882.23	0.41%
VN Mid	963.5	-0.14%
VN Small	819.64	-0.19%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.82	0.03%
HN30	190.69	-0.10%
VNX AllSh	857.26	0.22%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.93	-0.86%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	496.86	
Bán	514.71	
GT ròng	-17.85	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	11.16	
Bán	8.36	
GT ròng	2.80	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	29.30	
Bán	35.67	
GT ròng	-6.37	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HDC	1050	5.63%
YEG	2900	5.53%
HAH	600	4.05%
DGW	900	3.98%
FMC	1150	3.86%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	1200	5.77%
L14	2800	4.25%
CEO	200	1.92%
VCS	900	1.05%
TVC	100	0.66%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SNZ	2600	8.44%
SIP	9400	8.15%
SAS	3100	7.77%
OIL	400	3.45%
LTG	800	3.32%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DPR	-3200	-6.91%
ILB	-1050	-4.86%
MSH	-3100	-4.81%
TIP	-1800	-4.70%
SHI	-350	-4.04%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DGC	-1200	-3.87%
TNG	-600	-3.24%
NVB	-100	-1.32%
BAX	-900	-1.21%
SHS	-100	-1.15%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VLB	-2000	-5.57%
GEG	-1600	-5.50%
VEA	-2800	-4.83%
GVR	-500	-3.01%
HND	-300	-2.03%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	402,181	
VCB	291,147	
VHM	281,359	
VNM	210,707	
GAS	193,883	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,507	
VCS	13,422	
VCG	11,705	
PVS	9,942	
PVI	8,805	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	185,464	
VGI	107,976	
VEA	77,027	
GVR	66,280	
MCH	55,237	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	18,019,850	16,258,660
ITA	16,868,640	4,656,624
HNG	8,162,460	8,858,790
HPG	8,127,360	7,294,656
SAM	5,902,470	849,785

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVX	3,385,573	922,108
SHS	2,789,253	717,636
SHB	2,472,869	4,812,565
SHN	2,377,067	133,239
PVS	1,848,571	3,145,620

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SIP	2,083,742	309,056
GVR	1,816,426	1,911,859
VIB	1,576,313	941,630
BSR	1,203,648	1,542,302
PXL	791,300	289,271

Nguồn: Bloomberg & YSVN

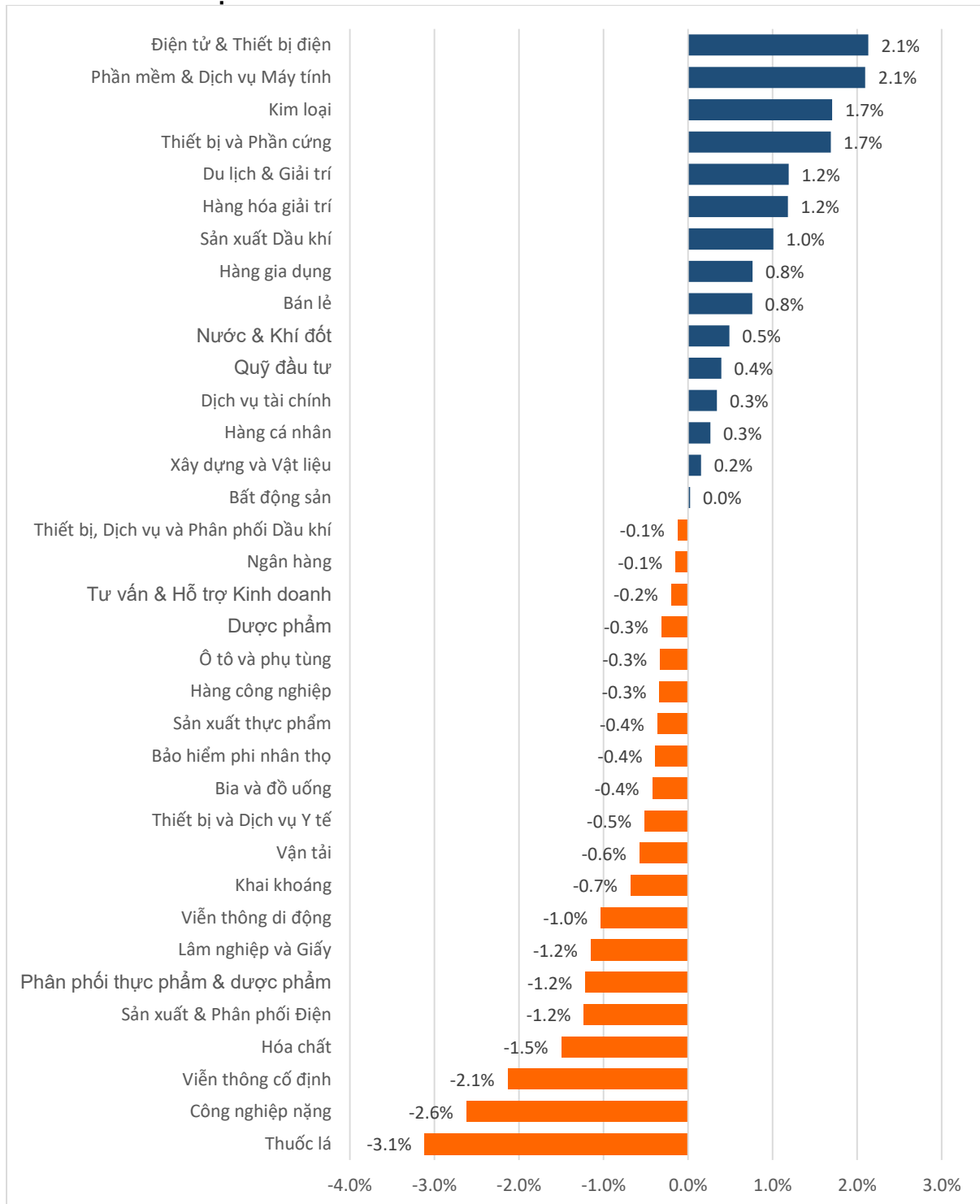
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



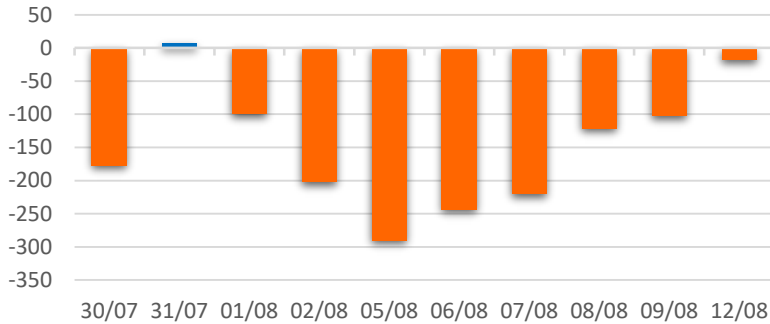
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

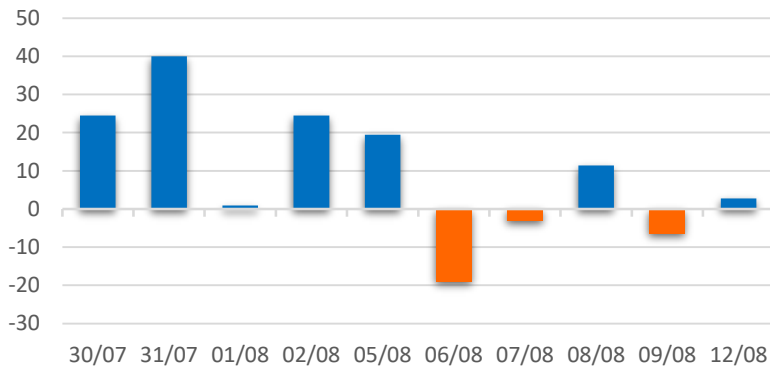
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VRE	11,966	E1VFN30	30,118
PLX	11,065	SGN	12,782
HDB	10,764	VCB	11,447
BID	10,090	PHR	9,344
KBC	7,590	VNM	4,694

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

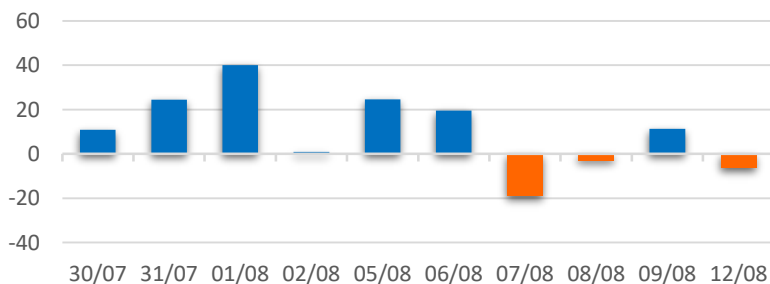
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	10,666	VCS	10,408
DGC	1,527	TNG	3,218
BAX	221	HMH	351
PVC	212	CEO	118
ART	211	LIG	101

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
NTC	2,395	VEA	3,182
QNS	1,729	BCM	1,111
BOT	1,642	SAS	1,094
MFS	943	VGI	593
GEG	874	CTR	283

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN

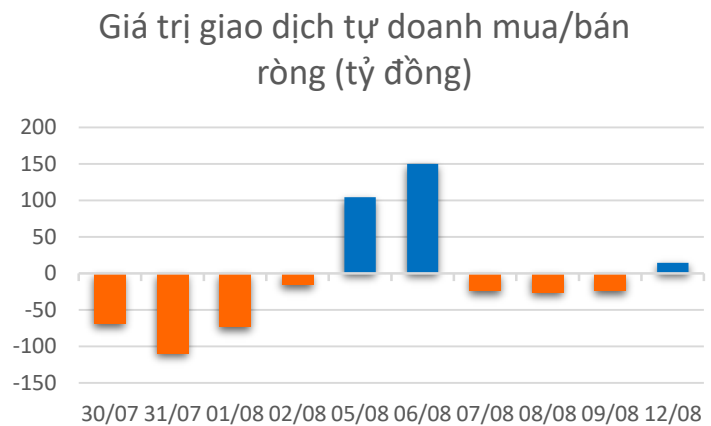


We Create **Fortune**

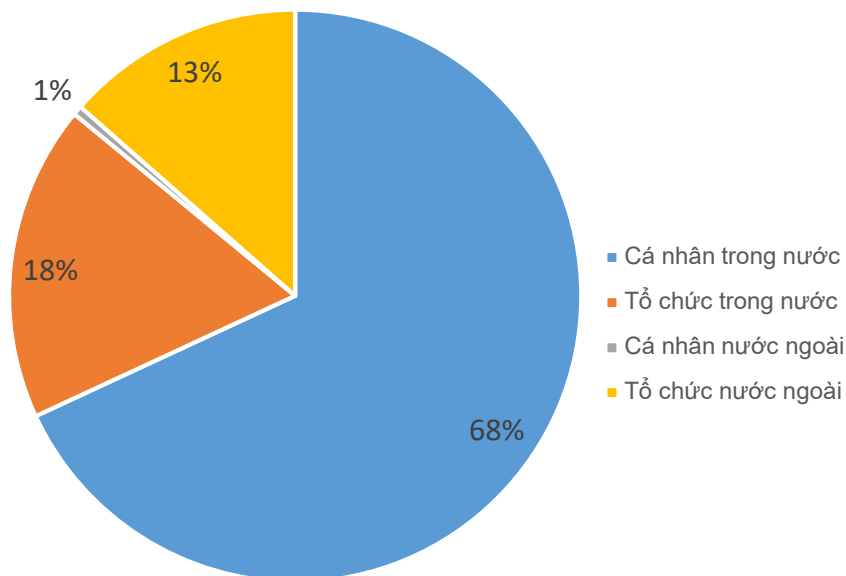
THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	52,519	E1VFN30	22,221
MSN	44,547	FPT	5,034
HPG	25,573	VNM	4,234
MWG	12,623	LCG	3,580
MBB	7,647	VIC	3,499

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

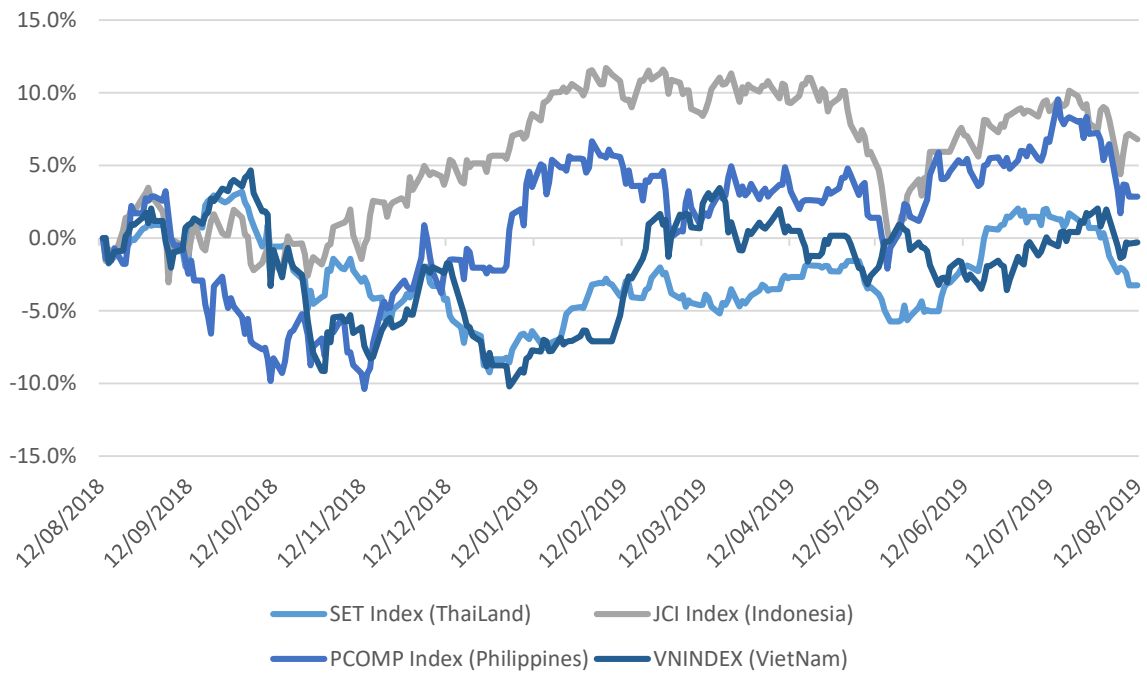


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

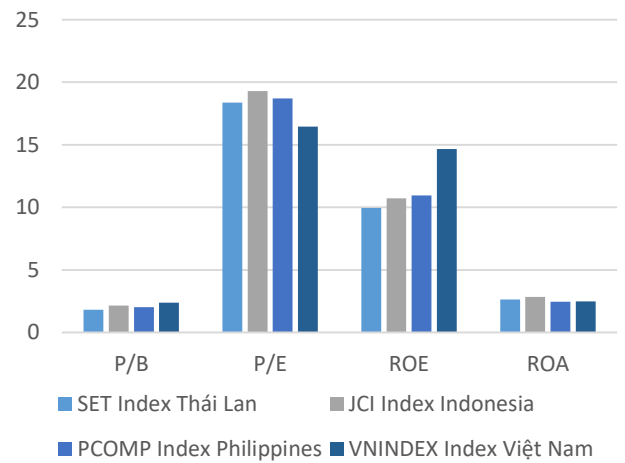
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.2x	2.0x	2.4x
P/E		18.4x	19.3x	18.7x	16.4x
ROE	%	9.94	10.73	10.96	14.67
ROA	%	2.63	2.83	2.46	2.47
Vốn hóa	Tỷ USD	551.66	507.26	189.69	141.77
GTGD	Triệu USD	1.61	0.40	0.08	0.12
LS cổ tức	%	3.13	2.47	1.68	1.80

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3832

phat.pham@yuanta.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written